



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 2900765728 ngày 25 tháng 9 năm 2006
Đăng ký Doanh nghiệp số 2900765728 ngày 11 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900765728 ngày 11 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lâm Du An Ông Đoàn Tiến Dũng Ông Nguyễn Tiến Dũng Ông Hoàng Lâm Hòa Ông Ngô Quang Danh Ông Nguyễn Xuân Hải Ông Nguyễn Kim Hòa	Chủ tịch (từ ngày 13 tháng 12 năm 2021) Chủ tịch (từ ngày 6 tháng 10 năm 2021 đến ngày 13 tháng 12 năm 2021) Thành viên (từ ngày 20 tháng 3 năm 2021 đến ngày 6 tháng 10 năm 2021) Chủ tịch (đến ngày 6 tháng 10 năm 2021) Thành viên Thành viên (đến ngày 20 tháng 3 năm 2021) Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh Bà Nguyễn Thanh Thủy Bà Nguyễn Thị Huân	Trưởng ban (từ ngày 20 tháng 3 năm 2021) Thành viên (đến ngày 20 tháng 3 năm 2021) Thành viên (từ ngày 20 tháng 3 năm 2021) Trưởng ban (đến ngày 20 tháng 3 năm 2021) Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Hoàng Lâm Hòa Ông Đặng An Hải Ông Trần Đức Sơn	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Số 54, Đường Phan Đăng Lưu Phường Trường Thi Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

007
ÁNH
TINH
G
CHỈ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		58.443.395.307	55.467.328.458
Tiền	110	6	18.236.658.099	9.995.409.036
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.987.991.094	2.991.183.490
Phải thu của khách hàng	131	7	2.120.328.960	2.338.171.389
Trả trước cho người bán	132		325.507.658	253.989.850
Phải thu ngắn hạn khác	136		542.154.476	399.022.251
Hàng tồn kho	140	8	34.609.769.102	39.965.503.167
Hàng tồn kho	141		39.899.307.391	46.029.127.514
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.289.538.289)	(6.063.624.347)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.608.977.012	2.515.232.765
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		806.711.610	763.791.196
Thuế phải thu Nhà nước	153	12(b)	1.802.265.402	1.751.441.569
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		114.935.271.990	124.803.165.010
Tài sản cố định	220		79.806.984.243	83.461.064.383
Tài sản cố định hữu hình	221	9	79.806.984.243	83.452.008.828
Nguyên giá	222		434.303.890.204	427.466.694.187
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(354.496.905.961)	(344.014.685.359)
Tài sản cố định vô hình	227		-	9.055.555
Nguyên giá	228		279.900.000	279.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(279.900.000)	(270.844.445)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.862.269.065
Xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.862.269.065
Tài sản dài hạn khác	260		35.128.287.747	38.479.831.562
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	34.692.206.231	38.479.831.562
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	436.081.516	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		173.378.667.297	180.270.493.468

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		50.115.009.539	47.249.035.986
Nợ ngắn hạn	310		36.071.501.939	33.684.532.155
Phải trả người bán	311	11	6.011.872.244	7.161.887.446
Người mua trả tiền trước	312		519.368.226	625.495.300
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12(a)	15.230.023.836	8.348.982.467
Phải trả người lao động	314		5.858.072.968	2.740.371.922
Chi phí phải trả	315	13	1.860.537.299	2.623.507.712
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		517.454.548	554.545.460
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	5.976.024.570	10.654.571.570
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	98.148.248	975.170.278
Nợ dài hạn	330		14.043.507.600	13.564.503.831
Phải trả dài hạn khác	337		2.678.199.000	2.000.150.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	-	124.485.531
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	11.365.308.600	11.439.868.300
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		123.263.657.758	133.021.457.482
Vốn chủ sở hữu	410	19	123.263.657.758	133.021.457.482
Vốn cổ phần	411	20	105.000.000.000	105.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.000.000.000	105.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.390.909.325	7.390.909.325
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	8.000.000.000	8.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.872.748.433	12.630.548.157
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.450.959.957	10.901.749.005
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(9.578.211.524)	1.728.799.152
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		173.378.667.297	180.270.493.468

Ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	204.071.521.341	235.328.513.341
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	892.772.216	1.425.493.500
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	203.178.749.125	233.903.019.841
Giá vốn hàng bán	11	25	178.540.292.744	194.680.276.996
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		24.638.456.381	39.222.742.845
Doanh thu hoạt động tài chính	21		307.844.440	257.617.099
Chi phí tài chính	22		104.952.154	294.657.471
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		98.961.389	294.244.315
Chi phí bán hàng	25	26	14.482.056.643	12.742.444.668
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	21.147.564.573	22.858.115.468
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(10.788.272.549)	3.585.142.337
Thu nhập khác	31		677.053.830	802.680.851
Chi phí khác	32		33.551.852	270.577.158
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		643.501.978	532.103.693
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(10.144.770.571)	4.117.246.030
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	(5.992.000)	2.121.386.810
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(560.567.047)	(679.939.932)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(9.578.211.524)	2.675.799.152
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(912)	165

Ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(10.144.770.571)	4.117.246.030
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	10.888.612.814	10.653.820.286
Các khoản dự phòng	03	(848.645.758)	(1.654.799.337)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.781.168	(158.312)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(300.198.773)	(235.223.309)
Chi phí lãi vay	06	98.961.389	294.244.315
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(300.259.731)	13.175.129.673
Biến động các khoản phải thu	09	(47.631.437)	(126.332.447)
Biến động hàng tồn kho	10	6.129.820.123	13.482.529.864
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	8.675.864.789	(11.922.867.879)
Biến động chi phí trả trước	12	3.744.704.917	6.972.885.868
		18.202.498.661	21.581.345.079
Tiền lãi vay đã trả	14	(98.961.389)	(294.244.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.900.632.513)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.056.610.230)	(482.570.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.046.927.042	18.903.898.251
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(4.307.116.927)	(7.704.636.306)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	47.727.273	54.181.817
Tiền thu lãi tiền gửi	27	307.634.843	257.617.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.951.754.811)	(7.392.837.390)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	14.392.445.271	23.432.762.363
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.392.445.271)	(23.432.762.363)
Tiền chi trả cổ tức	36	(4.848.142.000)	(6.171.993.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.848.142.000)	(6.171.993.280)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	8.247.030.231	5.339.067.581
Tiền đầu năm	60	9.995.409.036	4.656.183.143
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(5.781.168)	158.312
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	18.236.658.099	9.995.409.036

Ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 26 tháng 12 năm 2016, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là SB1.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm bia, cồn, rượu và nước giải khát; lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia; và mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 260 nhân viên (1/1/2021: 264 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 4 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bình inox

Bình inox là dụng cụ được Công ty sử dụng trong quá trình sản xuất bia và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bình inox được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

(iv) Chi phí nâng cấp

Chi phí nâng cấp tài sản cố định phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời gian thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Đại dịch Covid-19 đang tiếp tục có những tác động đáng kể đến Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh cồn, rượu và nước giải khát; lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia; và mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	94.247.009	310.777.968
Tiền gửi ngân hàng	18.142.411.090	9.684.631.068
	<hr/>	<hr/>
	18.236.658.099	9.995.409.036

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn – công ty mẹ	2.046.828.960	2.139.835.500
Các khách hàng khác	73.500.000	198.335.889
	<u>2.120.328.960</u>	<u>2.338.171.389</u>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	14.069.577.457	-	13.170.309.576	-
Công cụ và dụng cụ	11.011.756.145	(5.289.538.289)	15.890.852.667	(6.063.624.347)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.283.537.960	-	13.499.264.620	-
Thành phẩm	6.534.435.829	-	3.468.700.651	-
	<u>39.899.307.391</u>	<u>(5.289.538.289)</u>	<u>46.029.127.514</u>	<u>(6.063.624.347)</u>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	6.063.624.347	8.622.069.234
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(774.086.058)	(2.558.444.887)
Số dư cuối năm	<u>5.289.538.289</u>	<u>6.063.624.347</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	36.495.389.319	377.350.299.725	8.238.046.202	5.382.958.941	427.466.694.187
Tăng trong năm	-	4.172.050.588	-	255.376.364	4.427.426.952
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.862.269.065	-	-	2.862.269.065
Thanh lý	-	(452.500.000)	-	-	(452.500.000)
Số dư cuối năm	36.495.389.319	383.932.119.378	8.238.046.202	5.638.335.305	434.303.890.204
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	28.736.276.555	303.925.693.381	6.504.849.806	4.847.865.617	344.014.685.359
Khấu hao trong năm	1.022.101.681	9.361.438.603	380.539.653	115.477.322	10.879.557.259
Thanh lý	-	(397.336.657)	-	-	(397.336.657)
Số dư cuối năm	29.758.378.236	312.889.795.327	6.885.389.459	4.963.342.939	354.496.905.961
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.759.112.764	73.424.606.344	1.733.196.396	535.093.324	83.452.008.828
Số dư cuối năm	6.737.011.083	71.042.324.051	1.352.656.743	674.992.366	79.806.984.243

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 282.269 triệu VND (1/1/2021: 276.487 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bình inox VND	Công cụ và dụng cụ VND	Bao bì luân chuyển VND	Chi phí nâng cấp VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	14.470.340.132	9.396.512.338	8.200.953.626	6.412.025.466	38.479.831.562
Tăng trong năm	588.675.000	6.108.607.543	5.983.202.425	1.149.844.909	13.830.329.877
Phân bổ trong năm	(3.911.042.383)	(7.363.572.333)	(3.482.943.162)	(2.599.276.785)	(17.356.834.663)
Thanh lý	(246.365.430)	-	(14.755.115)	-	(261.120.545)
Số dư cuối năm	10.901.607.319	8.141.547.548	10.686.457.774	4.962.593.590	34.692.206.231

11. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.193.195.420	1.499.737.250
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	832.063.100	291.155.000
Công ty Cổ phần Lương Thực Hà Tĩnh	826.798.500	486.442.000
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đà Nẵng	762.831.432	743.895.900
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	1.291.756.400
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	-	773.488.320
Các nhà cung cấp khác	2.396.983.792	2.075.412.576
	6.011.872.244	7.161.887.446

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	1.291.756.400
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura	264.189.200	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	259.695.545	663.959.230
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	15.345.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ/ phân loại lại trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	7.610.474.356	158.263.531.216	(152.635.924.024)	-	13.238.081.548
Thuế giá trị gia tăng	399.377.396	35.989.226.186	(21.229.414.774)	(13.180.516.600)	1.978.672.208
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(5.992.000)	-	5.992.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	326.299.595	479.288.450	(850.419.878)	44.831.833	-
Các loại thuế khác	12.831.120	1.731.318.951	(1.730.879.991)	-	13.270.080
	8.348.982.467	196.457.372.803	(176.446.638.667)	(13.129.692.767)	15.230.023.836

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phân loại lại trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.751.441.569	5.992.000	1.757.433.569
Thuế thu nhập cá nhân	-	44.831.833	44.831.833
	1.751.441.569	50.823.833	1.802.265.402

13. Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng và chi phí khuyến mãi	1.041.939.583	1.489.633.976
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	65.454.545	68.181.818
Chi phí phải trả khác	753.143.171	1.065.691.918
	1.860.537.299	2.623.507.712

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	3.932.464.000	3.762.869.000
Cổ tức phải trả	1.901.314.570	6.749.456.570
Phải trả ngắn hạn khác	142.246.000	142.246.000
	5.976.024.570	10.654.571.570

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	14.392.445.271	(14.392.445.271)	-

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và không có đảm bảo. Khoản vay này chịu lãi suất từ 6,2% đến 6,7% một năm (2020: 6,0% đến 7,5% một năm).

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	975.170.278	(435.813.822)
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	-	947.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	179.588.200	946.554.100
Sử dụng trong năm	(1.056.610.230)	(482.570.000)
Số dư cuối năm	98.148.248	975.170.278

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.273.061.720	2.287.973.660
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.057.907.658	1.212.724.870
	<hr/> 3.330.969.378	<hr/> 3.500.698.530
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Phân bổ thùng Inox	(2.894.887.862)	(3.625.184.061)
	<hr/> 436.081.516	<hr/> (124.485.531)

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2021 VND
Số dư đầu năm	11.439.868.300
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(74.559.700)
	<hr/> Số dư cuối năm
	<hr/> 11.365.308.600

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	105.000.000.000	7.390.909.325	21.774.479.829	6.893.823.276	141.059.212.430
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.675.799.152	2.675.799.152
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(8.820.000.000)	(8.820.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(947.000.000)	(947.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(946.554.100)	(946.554.100)
Chuyển từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	(13.774.479.829)	13.774.479.829	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	105.000.000.000	7.390.909.325	8.000.000.000	12.630.548.157	133.021.457.482
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(9.578.211.524)	(9.578.211.524)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(179.588.200)	(179.588.200)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	105.000.000.000	7.390.909.325	8.000.000.000	2.872.748.433	123.263.657.758

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.500.000	105.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.500.000	105.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

21. Cổ tức

Công ty không công bố khoản cổ tức nào cho cổ đông trong năm (2020: 8.820 triệu VND, tương đương 840 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.825.564.565	3.043.147.477
Từ hai đến năm năm	1.728.610.134	4.122.022.165
Sau năm năm	8.210.898.135	8.643.050.668
	<hr/>	<hr/>
	12.765.072.834	15.808.220.310
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên	Tương đương	Nguyên	Tương đương
	tệ	VND	tệ	VND
Ngoại tệ				
▪ USD	15.286	346.086.134	164	3.768.065
▪ EUR	201	5.102.384	237	6.609.684
		<hr/>		<hr/>
		351.188.518		10.377.749
		<hr/>		<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	200.947.197.369	230.962.093.781
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	359.210.728.585	403.536.784.027
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(158.263.531.216)	(172.574.690.246)
▪ Doanh thu khác	3.124.323.972	4.366.419.560
	204.071.521.341	235.328.513.341
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	892.772.216	1.425.493.500
	203.178.749.125	233.903.019.841

25. Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	178.678.042.021	196.101.715.681
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(774.086.058)	(2.558.444.887)
▪ Giá vốn khác	636.336.781	1.137.006.202
	178.540.292.744	194.680.276.996

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Chi phí bán hàng**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	5.711.436.169	4.657.174.188
Chi phí hỗ trợ vận chuyển	2.064.642.314	2.610.099.140
Chi phí khuyến mãi	1.995.052.037	730.641.169
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.914.144.436	967.216.822
Chi phí vật liệu	1.288.182.217	567.197.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.248.124	1.955.923.298
Chi phí khấu hao và phân bổ	290.252.188	336.658.346
Chi phí bán hàng khác	926.099.158	917.534.365
	<hr/>	<hr/>
	14.482.056.643	12.742.444.668

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	11.281.727.620	11.434.376.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.670.812.921	1.914.024.891
Chi phí thuê đất	1.697.347.083	1.314.890.017
Chi phí vật liệu văn phòng	1.108.847.153	910.905.099
Chi phí khấu hao và phân bổ	390.206.349	386.967.976
Chi phí quản lý khác	4.998.623.447	6.896.951.294
	<hr/>	<hr/>
	21.147.564.573	22.858.115.468

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	124.386.810.806	130.242.329.366
Chi phí nhân công và nhân viên	34.038.694.977	33.887.903.842
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.888.612.814	10.653.820.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.720.827.618	13.209.182.438
Chi phí khác	30.134.967.745	42.287.601.200
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021	2020
	VND	VND
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	-	1.481.018.402
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(5.992.000)	640.368.408
	(5.992.000)	2.121.386.810
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(560.567.047)	(679.939.932)
	(566.559.047)	1.441.446.878

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021	2020
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.144.770.571)	4.117.246.030
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(2.028.954.114)	823.449.206
Chi phí không được khấu trừ thuế	287.613.809	53.200.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.180.773.258	-
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	(75.570.736)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(5.992.000)	640.368.408
	(566.559.047)	1.441.446.878

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời	Giá trị tính thuế	Chênh lệch tạm thời	Giá trị tính thuế
	VND	VND	VND	VND
Lỗ tính thuế	5.903.866.290	1.180.773.258	-	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND VND
2026	Chưa quyết toán	5.903.866.290

(a) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021 VND	2020 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	(9.578.211.524)	2.675.799.152
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(947.000.000)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(9.578.211.524)	1.728.799.152

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 10.500.000 cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	172.358.673.160	169.550.693.850
Mua nguyên vật liệu	31.627.509.892	32.187.465.636
Cổ tức	-	4.827.480.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa và dịch vụ	100.000.000	122.070.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	153.450.000	204.600.000
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	1.842.144.000	1.820.602.800
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	766.695.950	996.802.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam		
Cho mượn nguyên vật liệu	-	184.935.960
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch (từ ngày 13 tháng 12 năm 2021)	-	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng – Chủ tịch (đến ngày 6 tháng 10 năm 2021)	130.000.000	124.000.000
Ông Hoàng Lâm Hoa – Thành viên	91.000.000	87.000.000
Ông Đoàn Tiến Dũng – Thành viên (từ ngày 20 tháng 3 năm 2021)	72.709.677	-
Ông Ngô Quang Danh – Thành viên (đến ngày 20 tháng 3 năm 2021)	18.290.323	87.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hải – Thành viên	91.000.000	87.000.000
Ông Nguyễn Kim Hòa – Thành viên	91.000.000	87.000.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.214.000.000	2.394.605.800

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thủ lao</i>		
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Trưởng ban	72.774.194	63.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	57.225.806	-
Bà Nguyễn Thị Huân – Thành viên	52.000.000	63.000.000

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

